

LUẬN A TỖ ĐẠT MA THUẬN CHÁNH LÝ

QUYỂN 79

Phẩm 8: NÓI VỀ ĐỊNH (PHẦN 3)

Đã nói về Đẳng chí, thế nào là đẳng trì? Kinh nói đẳng trì gồm có ba thứ:

1. Tam-ma-địa có tâm, có tứ.
2. Tam-ma-địa không có tâm, chỉ có tứ.
3. Tam-ma-địa không có tâm, không có tứ.

Ba thứ như thế khác biệt với nhau thế nào? Tụng rằng:

*Đầu, dưới có tâm tứ
Giữa chỉ tứ, trên không.*

Luận nói: Từ trước đến nay, nhân nơi sự thường nói về ba Tam-ma-địa này. Nay ở đây lược bày tướng riêng.

Tam-ma-địa có tâm, có tứ. Nghĩa là đẳng trì tương ứng với tâm tứ, đây thuộc về Sơ tính lự và Vị chí. Tam-ma-địa không có tâm, chỉ tứ thuộc về Vị chí, nghĩa là chỉ đẳng trì tương ứng với tứ. Đẳng trì này, tức thuộc về địa trung gian tính lự Tam-ma-địa không có tâm, không có tứ, nghĩa là đẳng trì tương ứng với không phải tâm tứ. Đẳng trì này từ phần gần của tính lự thứ hai, cho đến thuộc về Phi tướng, Phi phi tướng.

Khế kinh lại nói ba thứ đẳng trì:

1. Tam-ma-địa Không.
2. Tam-ma-địa Vô nguyện.
3. Tam-ma-địa Vô tướng.

Ba thứ như thế khác biệt nhau ra sao? Tụng rằng:

*Không là không, phi ngã
Vô tướng là diệt bốn
Vô nguyện là mười khác
Tương ứng hành tướng đế
Đây chung vô lậu tịnh*

Ba giải thoát vô lậu.

Luận nói: Tam-ma-địa không, nghĩa là không, phi ngã (vô ngã), vì đẳng trì tương ứng với hai thứ hành tướng, nên nói đẳng trì không, đối trị gần hữu thân kiến, thân kiến cũng có hai hành tướng, đó là hành tướng không, đối trị gần ngã sở kiến và hành tướng phi ngã đối trị gần ngã kiến.

Quán pháp phi ngã, gọi là hành tướng phi ngã. Quán vô ngã trong đây, gọi là hành tướng Không. Do hành tướng không này, đối trị gần ngã sở kiến.

Do trong đó đều vô ngã, nên pháp này không phải ngã sở.

Há không là hành tướng không, tức hành tướng phi ngã?

Biết phi ngã này là vô ngã trong đây. Hai thứ hành tướng này rất ráo đầu có khác nhau?

Chẳng phải không có sai khác, nói vô ngã trong đây, không thể chứng tỏ, ngã cuối cùng không có tự thể. Nghĩa là vô ngã ở đây, chỉ biểu thị hành tướng không kia, phi ngã này lẫn nhau không có, chứ không có khả năng biểu thị thành rốt ráo vô ngã, vì pháp có thể cũng không có lẫn nhau.

Nếu nói pháp này phi ngã, thì rõ ràng ngã rốt ráo không có, vì tất cả pháp, pháp tướng đều bình đẳng. Do đó, nếu tu hành tướng phi ngã, ấy là trị ngã kiến. Tu hành tướng không, đó là đối trị ngã sở kiến.

Như thế nào là không có Tam-ma-địa Vô biệt Vô tướng riêng?

Nghĩa là đẳng trì tương ứng duyên với bốn thứ hành tướng diệt đế. Vì Niết-bàn lìa các tướng, nên gọi là vô tướng. Duyên Tam-ma-địa kia được gọi là vô tướng.

Tướng, lược có mười, đó là năm thứ như sắc v.v... hai giống nam, nữ, và ba tướng hữu vi. Hoặc lại tướng, là tên gọi khác của Nhân. Vì Niết-bàn không có nhân, nên gọi là vô tướng. Hoặc tướng, nghĩa là thượng, trung, hạ của uẩn thế gian, vì Niết-bàn khác với tướng kia, nên gọi là vô tướng.

Tam-ma-địa Vô nguyện, nghĩa là đẳng trì tương ứng duyên với mười thứ hành tướng của đế khác. Mười thứ hành tướng, nghĩa là: khổ, vô thường, nhân, tập, sinh, duyên, đạo, như, hành, xuất.

Ba Tam-ma-địa Không v.v... như thế, tướng Tam-ma-địa dù không có sai khác, nhưng căn cứ đối trị ý ưa thích sở duyên, như thứ lớp Tam-ma-địa kia, kiến lập ba thứ. Vì ý ưa thích, nên không mong muốn ba hữu. Về lý, lại có thể như thế, vì có tai hại lỗi lầm, đâu thể do ý ưa thích mà không mong muốn Thánh đạo? Vì các Thánh đạo nương tựa thuộc

về hữu?

Nếu vậy, đâu cần tu tập Thánh đạo, vì Niết-bàn này có khả năng khởi nhân, nên không phải lìa Thánh đạo mà có được Niết-bàn? Vì cầu Niết-bàn, nên tu Thánh đạo. Vì đạo như thuyền, bè, cần nên bỏ, vì cũng do ý ưa thích không mong muốn Thánh đạo, nên duyên hành tướng đạo cũng được gọi là vô nguyện, vì tâm vốn trông mong nhằm chán hữu vi, nên tướng không, phi ngã, không phải đối tượng chán bỏ, vì giống với tướng Niết-bàn. Do hai hành tướng này dù duyên pháp đáng chán, nhưng không nhận lấy tướng đáng chán, không được gọi là vô nguyện.

Ba đẳng trì này có cả vô lậu, tịnh, vì thuộc về đẳng trì thế gian, xuất thế gian: Vì thuộc về thế gian, nên có cả mười một địa, đẳng trì thuộc về xuất thế gian, chỉ có chín địa.

Vì biên bầy định trên, không có đức cao siêu, nên ở trong đó, vô lậu được gọi ba môn giải thoát, có năng lực làm môn nhập cho Niết-bàn, không phải các pháp hữu lậu là môn giải thoát chân thật, vì tánh trụ thế gian, trái với giải thoát.

Ba Tam-ma-địa duyên theo cảnh khác nhau. Nghĩa là nếu, hữu lậu, không duyên tất cả pháp, nếu vô lậu Không, chỉ duyên khổ đế. Vô nguyện có thể duyên khổ, tập, đạo đế. Vô tướng chỉ duyên diệt đế làm cảnh.

Ba Tam-ma-địa, niệm trụ khác nhau. Nghĩa là vô tướng chỉ có pháp, còn lại đều có cả bốn. Khế kinh lại nói ba lớp đẳng trì:

1. Tam-ma-địa Không không.
2. Tam-ma-địa Vô nguyện Vô nguyện.
3. Tam-ma-địa Vô tướng vô tướng.

Ba thứ như thế, khác biệt nhau thế nào? Tụng rằng:

*Hai lớp duyên Vô học
Lấy tướng không, vô thường
Sau duyên định vô tướng
Phi trạch diệt là tịnh
Người hữu lậu bất thời,
Lìa bầy phân gần trên.*

Luận nói: Ba đẳng trì này duyên không v.v... trước, vì nhận lấy tướng không v.v... nên đặt tên Không Không v.v... Đẳng trì không không duyên Tam-ma-địa Không Vô học ở trước, nhận lấy tướng không kia, vì tướng không thuận với nhằm chán thù thắng phi ngã, nghĩa là hành giả kia, trước khởi đẳng trì Vô học, tư duy tướng không đối với năm thủ uẩn, từ đây về sau, khởi đẳng trì tương ứng với thiện căn thù thắng,

duyên Tam-ma-địa Không Vô học trước kia, tư duy tướng không, đối với không, vì nhận lấy không, nên gọi là không không, như đốt cây chết, dùng gậy xoay trở, khi cây chết đã cháy rụi rồi, cây gậy cũng nên đốt. Cũng thế, do không đốt phiền não rồi, lại khởi không định, chán bỏ, không trước trùng với đẳng trì không. Hành tướng không về sau khởi, thì lại trở lại tương ứng với hành tướng không, chỉ không này rất thuận với chán bỏ, hành tướng phi ngã, thì không như thế.

Người kiến vô ngã, đối với các pháp hữu vi, khởi tâm chán trái, chẳng như kiến không. Các hữu đã kiến các pháp vô ngã, mà đối với các hữu cũng sinh ưa thích, vì ở trong các hành, không xem xét kiến không, do định không này dù hai hành tướng cùng có, mà chỉ gọi không, chẳng nói là phi ngã, vì không đối với chán bỏ rất thuận theo.

Vô nguyện, vô nguyện duyên Vô học trước. Đẳng trì vô nguyện nhận lấy tướng vô thường, nghĩa là hành giả kia trước khởi đẳng trì Vô học, đối với năm thủ uẩn, tư duy tướng vô thường, từ đây về sau, khởi thiện căn cao quý, đẳng trì tương ứng duyên Vô học ở trước. Tam-ma-địa Vô nguyện tư duy tướng vô thường. Đối với vô nguyện, bất thiện, gọi vô nguyện, vô nguyện. Nêu dụ để chứng minh rõ, như trước nên biết, đẳng trì vô nguyện trùng lập với hành tướng vô thường. Về sau, khởi, tức lại tương ứng với hành tướng vô thường, chỉ hành tướng này có công năng duyên nhằm chán đạo. Hành tướng phi khổ, có khả năng duyên Thánh đạo. Thánh đạo không phải cỗi khổ, khổ diệt. Pháp khổ không thể hưởng đến khổ vắng lặng, cũng không phải bốn nhân v.v... có công năng duyên Thánh đạo, vì Thánh đạo không thể để cho khổ nối tiếp nhau, nên bốn phi đạo v.v... ở đây vì chán bỏ đạo, nên không phải hành tướng ưa thích có công năng chán bỏ.

Há không như Vô nguyện, bất nguyện cầu Thánh đạo, mà tạo ra bốn đạo v.v... Thánh đạo này lẽ ra cũng như thế.

Sự so sánh ấy không đúng, vì vô nguyện chính là chán hữu, gồm đối với Thánh đạo vì khởi tâm không mong muốn, nghĩa là vô nguyện ở trước, chính là nhằm chán hữu, vì Thánh đạo dựa vào hữu, nên gồm bất nguyện. Dù đối với ý ưa thích nói là đạo bất thiện, nhưng vì đối với Thánh đạo không phải chính là chán ghét, nên cũng có công năng tạo ra bốn thứ đạo v.v... Vô nguyện, vô nguyện chính là đạo chán ghét, nên dùng vô thường để quán lỗi của đạo. Hành tướng đạo, v.v... không chấp nhận chán đạo. Thế nên, ở hành tướng đạo này không tạo ra bốn thứ đạo kia.

Nếu vì đạo không phải thường, nên đáng nhằm chán, thì phải tạo

hành tướng khổ đối với Thánh đạo, vì có tướng của đạo kia, như Khế kinh nói: Các vô thường tức là khổ, không phải các Thánh đạo.

Nếu có tánh khổ an lập đế lý, vì tướng đều riêng, nghĩa là căn cứ theo tướng riêng để lập danh từ khổ đế, thì Thánh đạo như thế nào cũng có tướng khổ. Lại, trong Khế kinh, vì phân biệt nói, như Khế kinh lược nói tất cả khổ của năm thủ uẩn.

Nếu vì đạo không phải thường, nên có tướng khổ, thì chỉ nói uẩn, đã nói thủ uẩn mới là thuộc về khổ, do đó chứng biết Thánh đạo chẳng phải khổ.

Nếu cho rằng ví dụ như quán tập là khổ, kiến đế dù khác nhau, nhưng kiến không phải điên đảo, vì năm thủ uẩn có cả khổ, tập.

Như thế, nên biết, quán đạo là khổ, tướng đế đều kiến riêng, nhưng cũng không phải điên đảo, vì uẩn vô lậu có cả đạo khổ. Do đó, không an lập đế lý.

Lập luận này cũng phi lý, lại, nhất định không nên quán tập là khổ, vì kiến không phải điên đảo, mà do tánh nhân của năm thủ uẩn, gọi là tập, tánh quả gọi là khổ, tánh chúng đều khác.

Nếu quán nhân là quả thì tất nhiên quán quả là nhân, vì nhân duyên sai khác không thể được, đây là kiến đảo, không thuộc về quán đế. Đâu thể vì không hư hoại mà an lập đế lý? Thế thì lẽ ra không có trí khổ, tập khác nhau, hoặc khổ đạo trí như khổ, tập trí, vì chỗ duyên không có khác biệt, nên lập chung biết khắp. Nghĩa là thuyết kia đã nói: khổ, tập đồng thể, quán tập là khổ không phải kiến điên đảo, vì cảnh hai trí này đồng, nên không lập riêng biết khắp.

Như thế, há nói: Khổ, đạo đồng thể, quán đạo là khổ, không phải kiến điên đảo, vì cảnh của hai trí đồng, nên không lập riêng biết khắp. đã không thừa nhận như vậy, đạo đâu thể là khổ?

Lại, đạo và khổ vì đều khác biệt, nghĩa là Khế kinh nói: năm căn vô lậu trong quá khứ, vị lai, hiện nay, có công năng dứt trừ các khổ. Lại, thuyết đạo có công năng dứt, lấy sinh làm gốc khổ. Lại, Khế kinh nói: Vì đạo nên tu tập, khổ cần phải dứt hẳn, nên đạo không phải khổ.

Nếu cho rằng kinh nói: Pháp như thuyền bè, cũng nên dứt. Về lý, cũng không đúng, vì kinh không nói đối tượng dứt của pháp trị, nghĩa là lúc trước, đã tu pháp Thánh đạo, việc phải làm đã làm rồi, không nên tu lại, căn cứ vào nghĩa nên xả để nói, gọi là nên dứt, không phải đối tượng dứt, không đồng với khổ. Hoặc tiếng pháp trong kinh, gọi pháp Khế kinh v.v... nói nên dứt là chỉ rõ được diệu chỉ, quên mất giải thích, hoặc pháp mà kinh đã nói còn nên dứt, chứng tỏ đã cho quả, không

có dùng pháp nhân, có thể xả gọi là đoạn, như thuận phần trụ, không phải như tánh khổ, đạo cũng có thể dứt. Thế nên, đạo khổ, thể nó đều khác.

Lại, nếu kinh nói: Các vô thường tức là khổ, tức nói Thánh đạo cũng có tướng khổ, kinh kế cũng nói: Các khổ này, tức phi ngã, lẽ ra chấp Niết-bàn không phải tánh phi ngã. Hoặc cũng thừa nhận là khổ, vô thường, đã thừa nhận thì chắc chắn không phải tánh Niết-bàn. Nếu cho rằng chỉ nói các khổ này đều phi ngã, không nói phi ngã đều là khổ. Sao cũng không nói: Các khổ này đều vô thường, không nói phi thường đều là khổ?

Nếu cho rằng thể vô thường, tức là khổ, khổ tức phi ngã, chỉ tên có khác, thì không, vô nguyên không có sai khác, vì đã thừa nhận phi ngã tức khổ v.v...

Nếu cho rằng kinh nói: Khổ tức phi ngã. Thừa nhận tất cả khổ đều là tánh phi ngã. Kinh này đã nói vô thường tức khổ, lẽ ra thừa nhận vô thường đều là tánh khổ. Về lý, thật sự như thế, vì trong kinh này nói vô thường, không nói đạo.

Vì căn cứ vào pháp nào mà nói lời vô thường?

Vì các người ngu đối với năm thủ uẩn chấp là thường v.v... khởi bốn điên đảo. Vì đả phá chấp đó, nên nói là vô thường. Do đó, lại nói vô thường tức khổ. Lời nói này với ý biểu thị hữu lậu vô thường, đều là tánh khổ, khổ đều phi ngã. Không phải nói tất cả vô thường, phi ngã.

Về lý, tất nhiên là như thế, vì trong Khế kinh đối với cảnh chấp thường, nói vô thường. Hoặc ở trong đây nói vô thường ấy, không phải chỉ kèm sinh diệt, phải là qua đời, thọ sinh, nghĩa là các người ngu chấp có thú vui của người, trời, nên kinh đã dựa vào họ có vô thường thô, nói tức là khổ, như ba đường ác.

Lấy gì làm chứng biết trong kinh này nói vô thường v.v... chỉ nương tựa hữu lậu?

Do kinh này, về sau nói rằng: Vì các pháp như sắc, thọ v.v... không phải ngã, nên vô thường. Há có thể Niết-bàn, cũng là tánh vô thường?

Nên biết kinh này chỉ căn cứ Thánh tuệ. Bốn thứ hành tướng duyên khổ đế, mà nói. Nếu cho rằng Thánh đạo vô thường nên khổ, sao không thừa nhận đạo vô lậu nên không phải khổ?

Nếu cho rằng đối với lạc, chấp là kiến khổ, làm sao chỉ nói kiến diệt, đoạn? Tức đối với diệt, cho là khổ, thì lỗi đó rất nặng! Nghĩa là thấy Niết-bàn là khổ, nghĩa là cùng cực công năng tăng trưởng tâm ưa sinh tử, Kiến đạo thì không như vậy, thế nên nói riêng. Như bệnh chán

thuốc, dễ có thể trị liệu, nếu chán lành bệnh, thì lại càng khó cứu chữa cho họ. Hoặc các Thánh đạo vì dựa vào khổ mà chuyển, nên lỗi kiến là khổ, không phải nặng lắm. Do trong luận, lược qua không nói. Vì có thuyết khác, nên nghĩa không trái nhau.

Lại, Khế kinh nói: Nếu đối với hỷ, lạc, như thật biết lạc, thì ta chắc chắn sẽ nói lạc kia đối với bốn đế lý, vì hiện quán như thật, nên biết được hữu vi không phải hoàn toàn là khổ.

Do đó, đối với đạo, có thể quán vô thường, trở thành vô nguyên trùng lập, sẽ không quán khổ. Vô tướng, vô tướng tức duyên Vô học vô tướng Tam-ma-địa, phi trạch diệt làm cảnh, vì pháp vô lậu không có trạch diệt, nên chỉ nhận lấy tướng tĩnh, không phải diệt, diệu, ly. Nghĩa là hành giả kia, trước, khởi đặng trì Vô học, ở trong trạch diệt, tư duy tướng Tĩnh. Từ đây về sau, khởi đặng trì tương ứng với thiện căn thù thắng, tức duyên Tam-ma-địa vô tướng Vô học phi trạch diệt làm cảnh, tư duy tướng Tĩnh, diệt ở vô tướng. Lại, quán vô tướng, gọi là vô tướng, vô tướng, dù nhằm biểu thị, như trước nên biết đặng trì vô tướng trùng lập, sau hành tướng tĩnh khởi, thì trở lại, tương ứng với hành tướng tĩnh. Chỉ vì đặng trì này có công năng quán phi trạch diệt, nên không phải cảnh của hành tướng diệu, vì vô ký, nên không phải hành tướng ly, cho dù chứng đắc phi trạch diệt kia nhưng vẫn ràng buộc theo, nên không phải hành tướng diệt, vì phi trạch diệt không phải giải thoát hẳn tất cả khổ.

Lại, nếu quán diệt vì lạm quá vô thường. Nói tĩnh nghĩa là chỉ rõ sự ngừng dứt, nên phi trạch diệt được có tướng tĩnh, vì tu Thánh đạo trải qua vất vả, lâu, trong sự ngừng dứt kia, bèn sinh tướng lạc, nên vô tướng lập lại, nhận lấy tĩnh không phải pháp khác. Ba lớp đặng trì chỉ là hữu lậu, vì đối với Thánh đạo sinh tướng chán bỏ, không phải định vô lậu chán bỏ Thánh đạo.

Hai duyên Thánh đạo chấp lấy không, vô thường về lý, có thể gọi là chán bỏ Thánh đạo. Vô tướng, vô tướng chỉ duyên vô vi, tạo thành hành tướng tĩnh. Sao gọi chán đạo, mà ở đây ưa thích đặng trì vô tướng, Vô học?

Vì nhân không chuyển, nên gọi là chán đạo. Nghĩa là hành giả kia nhất định khởi nghĩa, nói rằng: đặng trì vô tướng không sinh là thiện. Người này đã thích khen Thánh đạo bất sinh. Sao không gọi là chán bỏ Thánh đạo?

Vì định vô tướng ở trước không phải sở duyên này, vì sao đặng trì này được gọi vô tướng, vô tướng?

Hoặc phải thừa nhận định này không duyên phi trạch diệt, chỉ duyên Vô học, vô tướng bất sinh.

Cách giải thích này cũng không đúng thế. Vì căn cứ cách giải thích ở trước, nghĩa là duyên định vô tướng phi trạch diệt, phi trạch diệt này cũng là các tướng. Vì duyên vô tướng, vô tướng, nên được gọi là vô tướng, vô tướng. Duyên theo cảnh vô tướng, tạo nên hành tướng tĩnh. Thế nên, định này từ cảnh đặt tên, chỉ người ba châu có khả năng khởi định này, nương tựa cả nam, nữ, vì dựa vào thân nữ, cũng có thể tự tại, vì tuổi thọ dài, ngắn, nên chỉ có địa vị Vô học. Vì người hữu học chỉ ưa Thánh đạo, chưa thể chán bỏ. Đăng trì này cũng không phải tất cả, chỉ Bất thời giải thoát, vì Thời giải thoát ưa thích Thánh đạo, nương tựa mười một địa để trừ bảy biên trên. Vì lẽ bảy biên trên không có đức thù thắng. Nếu ở cõi Dục từ Vị chí, gồm nhiếp, Thánh đạo khởi sau. Nếu Hữu đánh, vô sở hữu gồm nhiếp, Thánh đạo sau sinh, ngoài ra, đều ở địa mình Thánh đạo khởi sau, căn cứ ở loại chung, thì đây là từ bốn trí: pháp, loại, khổ, diệt vô gián mà sinh. Nếu căn cứ riêng để nói thì thuộc về cõi Dục, nghĩa là không phải loại trí sinh sau.

Thuộc về cõi trên, không phải pháp trí khởi sau. Hai pháp ở trước không phải diệt sau khởi, pháp thứ ba, không phải khổ sau sinh. Các hành tướng khác sau Khởi định này, nên đều được định này, nghĩa là đều là thời gian Tận trí, do là nhiễm đặc. Về sau, do gia hạnh mới khởi hiện tiền. Chỉ có Đức Thế Tôn ta không do gia hạnh, thuận với hướng giải thoát khởi trí hiện tiền. Đối với đạo, còn nhàm chán, há ưa thích các hữu?!

Từ đây về sau, cũng khởi Thánh đạo hiện tiền. Nhưng vì nhàm chán đạo, nên chẳng phải Vô gián khởi.

Thuộc về cõi Dục. Là do tư mà thành, còn lại do tu mà thành, nương vào định khởi.

Khế kinh lại nói bốn tu đăng trì:

1. Vì trụ nơi hiện pháp lạc tu Tam-ma-địa.
2. Vì được thắng tri kiến tu Tam-ma-địa.
3. Vì được phân biệt tuệ tu Tam-ma-địa.
4. Vì các lậu hết hẳn tu Tam-ma-địa.

Bốn thứ như thế, khác nhau thế nào? Tụng nói:

*Vì được hiện pháp lạc
Tu các tĩnh lự thiện
Vì được Thắng tri kiến
Tu thiên nhãn thông tịnh*

*Vì được tuệ phân biệt
Tu các gia hạnh thiện
Vì được hết các lậu
Tu Kim cương dụ định.*

Luận nói: Như Khế kinh nói có tu đẳng trì, hoặc tập, hoặc tu, nếu tạo tác nhiều được hiện lạc trụ, cho đến nói rộng.

Nói thiện là gồm nhiếp chung tịnh và vô lậu, tu các tĩnh lự thiện được trụ hiện pháp lạc, mà kinh chỉ nói Sơ tĩnh lự, ở trong đó, vì tưởng lạc rất tăng thịnh, nghĩa là vượt qua rất nhiều lỗi lầm cõi Dục, nên tưởng lạc càng tăng thêm nhiều trong đây. Như người đi trên sa mạc, vừa nóng vừa khát nước, mệt nhọc, mới gặp nước đục cũng cảm thấy vui nhiều. Hoặc vui Thánh đạo, hành giả này vì có đủ, nghĩa là đủ tất cả pháp phần Bồ-đề, bốn quả Sa-môn, chín đoạn biết khắp, đối trị ba cõi.

Lại, là nhân vui của các định, đứng đầu các định. Thế nên, nói nghiêng về Sơ tĩnh lự.

Há không là kinh nói Bí-sô như thế, trụ định này trước thọ ly sinh hỷ lạc, sau sinh Phạm chúng, thọ hưởng thú vui đồng với vui Thánh đạo này.

Vì sao không nói trụ pháp lạc sau?

Chứng tỏ ở đây, chỉ nói hiện pháp lạc, vì khiến rũ bỏ vui dục, lạc hiện hữu thuyết lạc định hiện hữu, khiến cho Sa-môn kia vui thích. Hoặc hiện lạc trụ là chỗ dựa của lạc sau, chỉ nói đối tượng nương tựa, chủ thể nương tựa đã rõ rệt, như Khế kinh thuyết: Trước, trụ trong định này, nhập các đẳng chí, sau mới sinh tĩnh lự kia.

Hoặc ba thừa đều trụ hiện pháp lạc, vì lạc sau không nhất định, cho nên không nói. Nghĩa là hoặc thoái đạo, hoặc sinh cõi trên, hoặc nhập Niết-bàn, bèn không trụ lạc, nên mặc dù các tĩnh lự tức hiện pháp lạc, nhưng vì dựa vào phần gần, nên nói là được, nói vì lực tu phần gần được căn bản, hoặc tức dựa vào lạc hiện hữu nói là được. Như nói thể của con cô gái bất dục nên không có lỗi.

Có thuyết nói: Định này, Đức Phật căn cứ ở tự nói, như nói: Bồ-tát cư trụ tại rừng Thiệm-bộ, khởi định đầu tiên vô lậu giống với thế gian, có công năng dẫn các lạc chung của tất cả hữu tình. Do đó, không nói trụ pháp lạc sau, tức vì cũng chỉ nói đầu tiên, Bồ-tát bấy giờ vì chỉ được sơ định. Nếu dựa vào các định tu Thiên nhân thông, thì có thể đạt được tri kiến thù thắng.

Ở đây, căn cứ ở nghĩa nào đặt tên tri kiến? Trong bản tĩnh lự này có trí soi rọi khắp. Vì soi rọi khắp này, nên đặt tên kiến, thể của kiến

tức tri nên gọi là tri kiến.

Nhân căn gọi kiến, là thể gian cực thành. Vì phân biệt khác với nhân căn kia, nên dùng tri để nêu kiến. Hoặc tức kiến này quyết đoán sở duyên, nên gọi là tri, tức cũng gọi Kiến, nghĩa là bốn tính lự là ưa hành đạo, không nhọc công sức cần cù nhiều mà vẫn hiện tiền, vì không cần cù vất vả, nên tự thể nó vững chắc. Do vì thể vững chắc, nên dụng quyết định, vì dụng quyết định, nên đặt tên là tri, nghĩa kiến, như trước đã nói, nên gọi tri kiến. Vì tri, vì kiến tu đẳng trì này, tức là vì cầu nghĩa soi rọi quyết định. Nghĩa này cũng là Đấng Thiện Thệ đã dựa vào chính mình mà nói, nghĩa là chỉ rõ Phật đã dùng thiên nhân thông, quán các sinh tử hiểm nạn của hữu tình, mới vì cứu vớt, khởi tính lự v.v... nên vì tri kiến tu thiên nhân thông.

Có sư khác nói: Vì muốn khuất phục mạnh các tùy phiền não, khởi tri kiến cao siêu, khởi tri kiến cao siêu này, không rời tưởng quang minh. Tưởng ánh sáng này dẫn thiên nhân thông. Do thiên nhân thông đặc tri kiến thù thắng. Nếu tu các gia hạnh thiện của ba cõi và thiện vô lậu, đặc tuệ phân biệt. Nghĩa là từ cõi Dục, cho đến Hữu đẳng. Các pháp thiện do văn, tư, tu mà thành và tất cả hữu vi, vô lậu khác. Nói chung, gọi là pháp thiện gia hạnh. Tu pháp thiện này có thể dẫn tuệ sinh, vì đối với các cảnh sai khác mà chuyển, nên nói tu gia hạnh này đặc tuệ phân biệt. Như nói: Đấng Thiện Thệ trụ hai tâm tứ, có công năng biết như thật các thọ khởi v.v... Đây là biểu thị tu thiện được tuệ phân biệt. Thuyết nói gia hạnh vì phân biệt sinh đặc. Không phải tu tập sinh đặc, mà được chưa hề được. Nếu tu định kim cang dụ, thì sẽ được các lậu dứt hết hẳn, nghĩa là nếu tu tập tính lự thứ tư, định kim cang dụ và tùy chuyển pháp, ấy là có thể được hết hẳn các lậu.

Tính lự thứ tư, Phật dựa vào tự mình nói, Bồ-đề vô thượng dựa vào tính lự này mà đặc. Định kim cang dụ chứng lậu tận tức khắc, dẫn Tận trí sinh, nên nói riêng.

Có thuyết nói: Tất cả trị, đoạn của Hữu đẳng. Tính lự thứ tư đều thuộc về Hữu đẳng này. Kinh này đã nói: Hoặc tập, hoặc tu, hoặc tạo tác nhiều. Nghĩa sai khác đây tức vì muốn biểu thị tập, tu, đặc tu đối tượng trị lại xa, như thứ lớp của nó như thế.

Đã nói về định, đối tượng nương tựa. Sẽ nói dựa vào định khởi được các công đức. Trong các công đức, trước nói vô lượng, Tụng rằng:

*Vô lượng có bốn thứ
Vì đối trị giận thầy
Từ bi không tánh giận*

*Hỷ, hỷ xả không tham
Hành tướng này thứ lớp
Cho vui và cứu khổ
An ủi hữu tình thấy
Duyên hữu tình cõi Dục
Hỷ, tinh lự sơ, nhị
Sáu, khác hoặc năm mươi
Chẳng thể dứt các hoặc
Người khởi định thành ba.*

Luận nói: vô lượng có bốn:

1. Từ.
2. Bi.
3. Hỷ.
4. Xả.

Nói vô lượng. Nghĩa là vô lượng hữu tình làm sở duyên.

Bốn thứ này vì có thể dẫn vô lượng phước, vì vô lượng quả ái đều lấy bốn thứ này làm nhân.

Có thuyết nói: Bốn thứ này trái với vô lượng hí luận. Các hoặc như tham v.v... đều gọi hí luận.

Vì sao vô lượng bốn, không có thêm, bớt?

Vì đối trị bốn thứ, đa số là chướng hành, như Khế kinh nói: Hoặc tập, hoặc tu, hoặc tạo tác nhiều, từ có công năng dứt trừ giận, Bi có công năng dứt trừ hại, hỷ dứt không ưa thích an ủi, xả dứt tham, giận cõi Dục, nên chỉ có bốn. Giận, nghĩa là tâm sở muốn giết hữu tình, tâm sở muốn bức náo hữu tình, gọi là hại. Tham đắm cảnh giới đối với các phẩm thiện, không ưa trụ nhân, gọi không ưa an ủi, đối với cảnh diệu dục, khởi nhiễm ưa vui, ý không chán đủ gọi là tham dục.

Trong đây, từ bi dùng vô sân làm tánh.

Nếu vậy, hai vô lượng này có gì sai khác?

Tánh dù không khác, nhưng từ có thể trị sân giết hữu tình, chuyển biến hành tướng vui, bi là đối trị sân náo hữu tình, chuyển hành tướng buồn, đây là sự sai khác. Như khổ và lạc lãnh nạp, dù đồng mà tổn ích có khác, nên thể có riêng lẽ.

Sự sai khác giữa thể khổ, vui, như trước đã nói. Sự khác biệt giữa hai thứ từ bi cũng như thế.

Có thuyết nói: Bi là bất hại, vì trị gần hại, về lý, thật ra là như thế, chỉ vì hại do sân, giống với nói tên sân. Hành tướng Bi cũng giống với vô sân, đặt tên vô sân mà thật ra là bất hại.

Các Cổ sư nói: Hỷ tức hỷ thọ, vì sao người quán hành, bấy giờ, hỷ thọ sinh? Nếu duyên với cho vui, không khác với từ. Nếu duyên cứu khổ nên ùng đồng với bi.

Lại, Khế kinh nói: Vì hân hoan nên sinh hỷ, hỷ tức hỷ thọ, như trước đã nói. Hành tướng hỷ này, đồng với hân hoan kia, vì hỷ sinh hỷ, nghĩa có gì khác nhau?

Nếu nói nghĩa dưới, trên có khác, thì khinh an và nghĩa lạc cũng nên như thế. Vì nhân duyên sai khác không thể được.

Lại trái với luận này, sao gọi là hỷ?

Nghĩa là hỷ hỷ tương ứng với thọ, tưởng, hành, thức v.v... Ý trong đây, biểu thị hỷ đều cùng có với pháp phẩm. Vì hỷ tăng thượng, nên đặt chung tên hỷ, chẳng phải thọ cùng có, lý ấy chắc chắn.

Nếu hỷ tức hỷ thọ thì sao nói cùng có với thọ?

Nếu nói Đối pháp dùng lý làm lượng nên như không có lỗi thì tụng. Bốn luận văn, điều này cũng không đúng, Lý làm lượng để luận, phải có kinh chứng, mới có thể nhất định văn. Nếu lý trái với kinh, thì sẽ huỷ bỏ, không nên tùy ý sửa đổi ngay văn luận.

Thế nên, hỷ này nhất định không phải hỷ thọ, vì hân hoan làm thể, hoặc tức vô tham. Nghĩa là có tham riêng là tâm sở ác. Đối với loại hữu tình tác nghĩ rằng:

“Vì sao khiến các niềm vui hiện có, niềm vui đó không thể được, đều thuộc về ta. Hỷ là chủ thể trị tham kia, nên là vô tham. Vô tham này và hỷ căn, đều cùng vận hành, nên ba địa có thể được, như sự ăn năn, lo lắng đều cùng có. Hỷ cũng có tướng vô tham rõ ràng, nghĩa là đối với việc thịnh vượng của người, tâm không tham, đấm, biết người đạt được, rất sinh vui mừng, an ủi. Vì đối trị tâm nóng nảy, gọi là hỷ, nên biết hỷ này cũng là tánh vô tham.

Xả, vô lượng thể nó, chỉ là vô tham. Xả này có sự sai khác với thứ ba, nghĩa là lìa yêu, giận tướng bình đẳng duyên hữu tình, như mới vào rừng bình đẳng sinh biết cây, nhân hành bình đẳng, gọi là Xả. Nếu Xả vô lượng cũng có công năng đối trị sân.

Sao chỉ vô tham, có gì khác với từ? Lại, thừa nhận xả này, chính là trị tham dục, đâu có sai khác với quán bất tịnh. Vả lại, xả và từ có sai khác, nghĩa là từ có công năng đối trị với sân, đã dẫn sân, vô sân làm thể. Xả có công năng đối trị tham, đã dẫn sân, vô tham làm thể.

Há không như xả vô tham làm tánh, cũng đối trị tham sân do tham?

Như thế, đã thừa nhận từ, vô sân làm tánh, lẽ ra cũng là chủ thể

đối trị tham mà sân đã dẫn?

Vấn nạn này không đúng, vì trái với hành tướng, nghĩa là hành tướng Xả song song trái với tham, sân, vì xả tướng sai khác giữa thân, không thân, nên từ yêu, giận này, đều có bất sinh, tức là do đó, nên xả chỉ vô tham, chính là vì chủ thể trị tham, trị cả sân, hành tướng của tứ trái với sân, không phải tham, vì chuyển biến cho vui các hữu tình. Do đó, từ, xả mặc dù đều trái với sân, nhưng từ thuận với tham, xả có công năng trái bỏ.

Thế nên, hai thứ này rất khác nhau. Hoặc người tu xả trị sân phi xứ. Vì từ trị ở sân, nên có sai khác. Bất tịnh và xả, như thứ lớp, có công năng đối trị tham dâm, tham khác, nên có sai khác.

Bốn vô lượng này không gây tổn ích cho người, vì chỉ thiện duyên, không phải tánh vô ký?

Vì công năng đối trị gần tham, sân, vì tướng ái, phi ái không có khả năng dẫn phát, vì có năng lực khiến tâm chuyển biến một cách tự tại.

Thế tướng của từ v.v... đã lược phân biệt: A-thế-da này có sai khác: Quán loại hữu tình như mình, nghĩa là từ, ưa loại hữu tình là khổ, nghĩa là bi, hân hoan, an ủi đối với sự thịnh vượng của người khác, nghĩa là hỷ. Đối với tướng thân thiện, thù oán, không nghĩ, là xả. Lại không quan sát người khác có tổn ích quán bình đẳng tất cả như bạn, là từ. Khi gặp người đau khổ, xót thương, là bi. Do sức của thắng giải tướng loại hữu tình được ích, là tổn hại, ưa an ủi, gọi là hỷ. Quán bình đẳng đối với tướng hữu tình, nghĩa là xả.

Bốn hành tướng này rõ ràng có sai khác tức sẽ làm sao giúp cho loại hữu tình đều được niềm vui như thế. Tư duy như thế, là nhập đẳng chí từ.

Làm sao sẽ khiến cho các loại hữu tình là khổ như thế? Tư duy như thế, là nhập đẳng chí bi. Các hữu tình đều được vui là khổ, há không vui sao? Tư duy như thế, nhập đẳng chí hỷ. Các loại hữu tình bình đẳng, bình đẳng không có thân, oán, tư duy như thế, nhập đẳng chí xả. Như vậy, sở nguyện rất ráo không có thành tựu, há không luống uổng hay sao?

Với công sức tu định, có công năng chế phục sân vv... sao lại cho là luống uổng?

Lẽ ra là điên đảo, sao có thể chế phục hoặc?

Nguyện được vui v.v... sao cho là điên đảo? Nghĩa là ở đây không nói đã được vui v.v... chỉ do thắng giải, mong sao cho các hữu tình đều sẽ

được vui v.v... vì có khả năng chế phục các hoặc, nên tu bốn đẳng này công phu không luống uổng.

Ở trong uẩn định, nói về bốn hành tướng đều bằng nhau là sao?

Đủ như ở trước đã nói.

Nói tư duy như thế, nhập đẳng chí như thế, lời nói này, nếu căn cứ duyên đẳng vô gián, thì từ v.v... sẽ không có lý vô gián sinh, vì tư duy riêng đã dẫn khởi. Nếu câu sinh, thì nói nhập tức trái nhau? Trong vị nghiệp đầu tiên gia hạnh dẫn riêng, đến địa vị hoàn thành, viên mãn, cũng có câu sinh. Uẩn định căn cứ đầu tiên nói nhập không có lỗi. Vả lại, từ vô lượng, nguyện được vui nào?

Có thuyết nói: Nguyện được lạc của định thứ ba, vì lạc này rất cao siêu trong các vui thọ. Nếu tự chưa chứng, vì do nghe nên biết.

Có thuyết nói: Nguyện đắc diệu lạc Niết-bàn, là cao siêu nhất trong các lạc.

Có thuyết nói: Nguyện được vui A-la-hán. Vui này là do đã giải thoát các phiền não, nên người tu nghiệp đầu tiên chưa chứng lạc này. Vì chưa hiện chứng, nên không có khả năng vận dụng tâm, chỉ duyên với vui tùy theo thân mình đã chứng. Và người khác chứng, hiện có thể biết, nghĩa là nguyện các hữu tình đồng chứng niềm vui này, nên chỉ duyên hiện như lý dẫn sinh như lý, không có lạc ô nhiễm, nguyện người khác đồng thọ hưởng. Nếu đối với đối tượng thọ hưởng đã xả, Bí-sô chưa đạt được đối trị chân thật, cũng ở chỗ trống vắng, thọ lạc xa lìa, với năng lực lấn át hỷ của trời Đế Thích v.v... như năm thú vui v.v... đã nói trong Già tha. Lại, người trụ xa lìa siêng năng tu việc thiện, định có thiện được niệm niệm thường truyền đi, như nước biển tràn đầy khắp, nối tiếp nhau. Hỷ, khinh an lạc do đó dẫn sinh, dùng tâm không có keo kiệt duyên với lạc như thế này: nguyện tất cả các hàm thức đồng thọ hưởng niềm vui của Hữu học, Vô học cao siêu của thọ khác.

Quán kém do truyền trao người khác, không ở vị lai, lại chiêu cảm quả thua kém là sao?

Nếu cho rằng không muốn dùng niềm vui của học này và vui Vô học thù thắng, bèn trái với duyên khắp hữu tình làm cảnh, chỉ do không có tiếc phước, của chỗ nương tựa, thật ra, không có khả năng khiến người khác được vui, như có người nghèo, dùng vật mình đã thọ hưởng: Dụng cụ, thô, xấu, kêu gọi thí cho, người giàu, dù các người giàu đều không mong cầu sự ban ơn này, mà kẻ thí cho kia cũng không có lỗi vì biểu thị tâm tự kính, và không keo kiệt. Vì niềm vui học này cũng như thế, nên không có lỗi, như gieo trồng một hạt giống nhỏ, về sau lại được

quả nhiều mà lại lớn, như nửa hạt quả ta, dưa, bầu v.v... nên không phải quán thua kém để trao cho người khác, ấy là ở tương lai, trở lại chiêu cảm quả thua kém. Điều duyên hữu tình cõi Dục làm cảnh, vì chủ thể đối trị duyên chướng sân v.v... kia, nghĩa là ở cõi Dục có oán, thân và không oán, thân, ba nhóm hữu tình có công năng sinh sân v.v... ở trong đó có xả tướng oán thân v.v... ấy là công năng chế phục, dứt trừ các phiền não như sân v.v...

Thế nên, cảnh này chỉ hữu tình cõi Dục, tất nhiên không thể duyên cõi Sắc, Vô sắc. Thể của đại bi là thiện căn vô si. Do năng lực này duyên chung ba cõi.

Nếu bốn vô lượng chỉ duyên hữu tình, vì sao kinh nói: Tư duy một phương bình đẳng đây do thắng giải duyên chung tất cả hữu tình trong khí thế gian, nên không có lỗi.

Bốn vô lượng này lệ thuộc cả cõi Dục, cõi Sắc, vì Khế kinh nói vô lượng hay chiêu cảm quả cao siêu của Phạm, Thích, Luân vương. Túc Luận Phẩm Loại căn cứ nơi tu tạo thành, nên nói bảy trí, biết Tu đạo đoạn của cõi Sắc và tùy miên biến hành tùy tăng cõi kia.

Có sư khác nói: Gia hạnh của bốn vô lượng này có cả gốc Dục, chỉ cõi Sắc, bốn vô lượng này dựa vào địa riêng, nghĩa là nếu hỷ tức hỷ thọ, chỉ là do tu thành, thì sự kia lẽ ra phải nói hỷ chỉ ở định Sơ, Nhị, vì ở địa khác không có hỷ căn. Nếu hỷ khác và hỷ thọ thì cũng có cả do tư mà thành.

Sư kia phải nói hỷ nương chung bảy địa, vì cũng tương ứng với lạc, xả thọ.

Có sư khác nói: Hỷ chỉ hỷ thọ đều cùng có.

Sư kia, lẽ ra phải nói: Hỷ có cả ba địa, hoặc như bài tụng chỉ có hai chẳng phải khác. Ba từ, bi, xả nương chung sáu địa, nghĩa là bốn tính lự Vị chí, Trung gian. Hoặc có dục khiến chỉ dựa vào năm địa, nghĩa là trừ Vị chí là chấp được đức an vui, vì người đã lìa dục mới có khả năng khởi.

Có thuyết nói: Bốn vô lượng này chỉ cõi Dục và Sơ địa được gọi là vô lượng, địa khác không như vậy. Kinh nói: Vì vô lượng gọi phạm trụ. Lại nói: Tu vô lượng sinh cõi Phạm thế.

Lại nói: Vì chiêu cảm quả Phạm, Thích, Luân vương.

Có thuyết nói: Tùy theo sự thích ứng, nương tựa chung mười địa, nghĩa là cõi Dục bốn căn bản, phần gần, trung gian.

Nếu bi cũng nương tựa ba tính lự dưới, làm sao được tương ứng với hỷ lạc?

Bi duyên hữu tình khổ vì chuyển hành tướng buồn lo. Hành tướng này như tác ý sinh nhàm chán của vô lậu. Thế nên, nương tựa chung ba tính lự dưới. Tác ý chân thật kia có công năng thuận sinh vui mừng, tương ứng với hỷ lạc, có thể không có lỗi.

Tác ý thắng giải này không thuận sinh vui mừng, làm sao có thể nói là tương tự với hỷ lạc kia ư?

Nghi là tánh buồn lo không thuận sinh hoan hỷ. Làm sao thừa nhận nghi, hỷ, lạc cùng khởi? Tác ý thắng giải lẽ ra phải đồng với nghi kia? Tuy nhiên, tác ý này rất thuận theo với hân hoan, với năng lực dẫn sinh tác ý chân thật, còn nghi thì không như thế, vì rất trái với chân.

Sự hân hoan kia còn tương ứng, tác ý thắng giải này sao không thừa nhận?!

Tác ý thắng giải này, về lý trái với sự hân hoan, vì có hành tướng khác biệt trong chỗ hoan hỷ, lo buồn, nên bi đã chuyển thành tướng lo buồn, không phải tương ứng với hỷ lạc. Chớ cho rằng, hai hành tướng đều chuyển biến cùng thời.

Nếu vậy, lẽ ra không thừa nhận tương ứng với xả thọ, vì chuyển biến hành tướng trong chỗ xả thọ?

Đã chẳng phải không thừa nhận tương ứng với xả thọ, đều cùng có với hỷ lạc. Về lý, chắc chắn phải thừa nhận. Chớ cho rằng, vì hoàn toàn không tương ứng với thọ, nên dù nói bốn vô lượng này có năng lực trị sân v.v... mà không thể dứt trừ các phiền não, được tác ý thắng giải, khởi nên tương ứng, tác ý chân thật, mới có khả năng dứt hoặc.

Lại, vì tác ý này chỉ duyên với cảnh hiện tại, nên duyên chung ba đời, hoặc duyên không phải đời, mới có công năng dứt hoặc.

Lại, vì đạo Giải thoát ở đây có thể được, nên phải ở đạo Vô gián mới có công năng dứt hoặc.

Có thuyết nói: Vì thuộc về căn bản tính lự hữu lậu, nên do đó có lỗi. Không nên nói ba vô lượng dựa vào sáu địa, vì Vị chí, Trung gian ở đây lẽ ra không có.

Vì sao kinh nói vô lượng dứt sân v.v... cũng không trái nhau? Vì dứt có hai. Hoặc do sức này, vì dẫn đạo đoạn, nghĩa là chế phục sân v.v... dẫn đạo đoạn sinh, thế nên trong kinh nói dứt sân v.v...

Nếu như vậy, vì sao trong Khế kinh nói: Do khéo tu từ, trụ quá Bất hoàn?

Trong đây, Thánh đạo, dùng tên Từ để nói, như xứ khác nói về tướng, danh v.v... Hoặc căn cứ bậc Thánh, trước được tâm từ, sau thường tu hành, được lìa dục mà nói, hoặc căn cứ vì được từ do tu thành, tinh tấn

tu hành, được lia dục mà nói.

Có thuyết nói: Bốn vô lượng này dựa vào thân ở cõi Dục, cõi Sắc, vì Vô sắc không duyên oán, thân v.v... vì tu vô lượng này, sẽ trước duyên oán thân kia, nghĩa như thật, tức chỉ dựa vào thân cõi Dục, ở trong cõi Dục, chỉ có con người khởi được. Nếu hỷ không phải hỷ, thọ trở thành một, thì đủ bốn. Nếu hỷ, tức hỷ thọ, trở thành một, nhất định thành ba.

Sinh định thứ ba bằng nhau, chỉ không thành hỷ, dựa vào nghĩa nào nên trong Khế kinh nói: Tu bốn vô lượng: Từ rốt ráo đến Biến tịnh. Bi rốt ráo đến Không vô biên xứ. Hỷ rốt ráo đến Thức vô biên xứ. Xả rốt ráo đến Vô sở hữu xứ. Vì sao pháp cõi Sắc có công năng chiêu cảm quả Vô sắc? Lại, bốn tĩnh lự đều có từ, vì sao tu từ chỉ cực Biến tịnh?

Có thuyết khác nói: Ở đây, mỗi một về tâm, tứ, kính mong đấng Từ Tôn sẽ giải thích nghĩa này.

Nghe đồn Tôn giả Ca-đa-Diễn-ni-tử đã từng dùng nghĩa này để phỏng vấn Thiết Ma-đạt-đa, Tôn giả kia tâm, tứ bèn nhập định vắng lặng, đến sáng sớm muốn vì giải thích.

Bấy giờ, Diễn Ni-tử lại nhập định vắng lặng, lúc chưa gặp đều bát Biết bàn. Do đó, mãi cho đến nay, không ai có khả năng giải thích. Phái Tỳ-bà-sa giải thích rằng: Nên biết, kinh này căn cứ ở điểm tương tự để nói, nghĩa là pháp lạc thọ tương tự với từ. Từ vì tạo ra chuyển biến hành tướng cho vui, nên lạc đến Biến tịnh. Vì địa trên đều không có, nên nói tu từ, cùng ở ở Biến tịnh. Cầu pháp lia khổ, tương tự với bi. Vì bi chuyển biến tạo ra hành tướng cứu khổ, nên thân ở cõi Sắc có khả năng tạo ra nhân sinh khổ thô, có thân, là có dứt, vì đứng đầu v.v... Phần gần của Không xứ vì chán lia thân sắc, nên nói tu bi, cùng cực ở Không xứ. Pháp lạc khinh an tương tự với hỷ. Vì hỷ chuyển biến tạo ra hành tướng yên vui, nên niềm vui khinh ân của Thức vô biên xứ tăng duyên. Thức Vô biên xứ của mình làm môn, nên tướng vô biên thức cùng cực tăng yên vui, nên nói tu hỷ, cùng cực ở Thức xứ. Có công năng xả bỏ pháp, tương tự với xả. Vì xả tạo ra sự chuyển biến hành tướng xả bỏ, nên Vô sở hữu xứ, do trong phần gần, từ bỏ vô biên hành tướng thành đủ. Thế nên, nói tu xả, cùng cực Vô sở hữu xứ.

Có thuyết nói: Kinh này căn cứ thuận nhau mà nói, nghĩa là từ định tứ khởi đẳng lưu vui mừng, thuận với định thứ ba. Định từ thứ ba khởi dục đẳng lưu, cũng thuận với định từ. Như thế, cho đến xả vô sở hữu, khởi dục đẳng lưu, lần lượt thuận nhau.

Thuyết này không hiển rõ lý, chỉ có lời nói không thật. Hoặc ở trong đó lại cầu thú hưởng sâu xa.

Có thuyết nói: Kinh này căn cứ ý ưa thích để nói, nghĩa là người ưa từ, ưa định thứ ba, cho đến kẻ ưa xả, là ưa Vô sở hữu xứ.

Cách nói này cũng vô lý.

Do đâu chứng biết?

Thế nên, lẽ ra như cách giải thích trước là tốt! Đầu tiên, khi muốn dẫn khởi bốn vô lượng, thì trước, đối với hữu tình, chia làm ba phẩm, đó là bạn thân, ở giữa (không thân không oán) và oán thù.

Ba phẩm chia làm ba, là thượng, trung, hạ:

Bạn thân phẩm thượng, là bạn sinh cho ta pháp thân, nhờ ơn nặng của bạn thân kia, xả, ấy là khó trụ.

Bạn thân phẩm trung, là bạn giao tiếp pháp, của cải rất thân ái.

Bạn thân phẩm hạ, là bạn chỉ giao tiếp của cải, cũng thân ái nhau.

Người không thân không oán phẩm thượng: Là người từ xưa, không hề thấy, nghe.

Người không thân không oán phẩm trung: Là người dù thấy, nghe mà không qua lại với nhau.

Người không thân không oán phẩm hạ: Là người dù qua lại giao tiếp nhau mà lìa ân oán.

Thù oán phẩm thượng. Nghĩa là cướp lấy danh dự, mạng sống và bạn thân.

Thù oán phẩm trung. Nghĩa là đoạt lấy thân mạng duyên theo, tiền của.

Thù oán phẩm hạ. Nghĩa là đoạt lấy mạng của bạn thân, duyên theo tiền của.

Đã phân biệt các phẩm hữu tình rồi, đầu tiên, người tu từ, trước đối với người thân phẩm thượng, phát khởi thắng giải ban cho vui thanh tịnh. Nếu do vô trí, thường tập mà thành A-thế-da ác, khiến tâm ngang bướng, ít gặp phương tiện bức não ôm lòng hận sâu, duyên hạng người này trở lại dứt, cho vui thắng giải. Lại, nên cố gắng, tư duy ơn nặng người kia, đối với họ, lại sinh ra ý thích cho vui, vì sức thường tập, nên ý hận mất hẳn, thắng giải cho vui nối tiếp nhau, không bỏ tức tu từ đã thành rồi. Đối với người thân phẩm, trung, hạ cũng tu dần dần thắng giải như thế.

Đối với ba phẩm thân thích, đã được tâm bình đẳng. Kế là, tổng đối với hữu tình không thân không oán phẩm thượng, trung, hạ, các chỗ oán tu tập dần ý thích cho vui, cho đến sau cùng, đối với thân, oán phẩm thượng, được tâm bình đẳng, đều không có lên, xuống. Ngang với đây,

gọi là tu từ thành đủ.

Tu bi và hỷ, so sánh với từ nên nói. Nghĩa là quán ba khổ ép ngặt khắp hữu tình, không nên trong đó lại gia tăng thêm khổ, chỉ nên như đã siêng năng gia tăng cứu vớt, tu tập dần, tâm muốn cứu vớt, cho đến oán thân bình đẳng không có lên, xuống. Ngang đây gọi là tu tưởng Bi, thành đủ.

Các hữu tình được vui lìa khổ, rất sinh vui mừng, an ủi, như mình không khác. Ngang đây, gọi là tu hỷ thành đủ.

Đầu tiên tu xả. Nghĩa là trước xả với người không thân, không oán không phải trước, xả oán, thân, vì giận yêu khó bỏ. Lại, hạng không oán thân thuận với sức xả tăng ở trong hạng như trước, trước tiên xả phẩm thượng, kế xả phẩm, trung hạ. Và với oán, thân từ phẩm hạ đến phẩm trung, từ phẩm trung đến phẩm thượng, trước xả người thù oán, do người thân khó bỏ. Như Khế kinh nói: Tham khó dứt, không phải giận. Như thế, tu tập dần, đối với xả đến bạn thân phẩm thượng, bình đẳng với người không oán thân phẩm thượng, khắp nơi hữu tình xả tướng sai khác. Ngang đây, gọi là tu xả thành đủ. Nếu đối với hữu tình ưa cầu công đức, người đó đối với từ v.v... có công năng tu nhanh chóng thành, người không phải ưa tìm kiếm lỗi lầm đối với hữu tình, để dứt thiện thì có đức để ghi nói. Lân dụ cho Độc giác có lỗi đáng nhận lấy, vì quả tội, phước trước kia hiện có thể thấy.

